TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **63/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2023
V/v tranh chấp ”ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

Ông Phạm Minh Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp L1, xã L2, thị xã L3, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Thái Văn B, sinh năm 1980;
Địa chỉ: ấp L1, xã L2, thị xã L3, tỉnh Tiền Giang.

(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông B vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị LLy trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Thái Văn B kết hôn với nhau do gia đình mai mối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L2, thị xã L3, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/11/2002. Sau khi kết hôn thì bà và ông B chung sống với nhau tại ấp L1, xã L2, thị xã L3, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do là vợ chồng thường xuyên gây gỗ. Nguyên nhân là do ông B có người phụ nữ khác bên ngoài, ông B nhậu vô thì

về đánh đập bà, việc ông B đánh đập bà thì bà không có báo chính quyền địa phương. Vợ chồng bà đã ly thân từ đầu năm 23/9/2022 (DL) cho đến nay, bà đi làm và thuê nhà trọ để ở cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được xin ly hôn với ông Thái Văn B.

Về con chung: có 02 con chung tên Thái Vĩnh A, sinh ngày 08/11/2001 và Thái Vĩnh P, sinh ngày 18/12/2009. Đối với con chung tên Thái Vĩnh A đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà L không yêu cầu tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà đồng ý giao con chung Vĩnh P cho ông B nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Thái Văn B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phía bị đơn ông Thía Văn B không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị L cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Thái Văn B.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Thái Vĩnh P, sinh ngày 18/12/2009 cho ông Thái Văn B tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông B chưa có yêu cầu. Bà L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Bà L trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B thì không có ý kiến gì về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B thì không có ý kiến gì về nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Thía Văn B vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", bị đơn ông B có hộ khẩu thường trú tại số L1, xã L2, thị xã L3, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông B về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L1, xã L2, thị xã L3, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 215 ngày 25/11/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do là vợ chồng thường xuyên gây gỗ. Nguyên nhân là do ông B có người phụ nữ khác bên ngoài, ông B nhậu vô thì về đánh đập bà, việc ông B đánh đập bà thì bà không có báo chính quyền địa phương. Vợ chồng bà đã ly thân từ đầu ngày 23/9/2022 (DL) cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi bà L và ông B xác lập quan hệ vợ chồng thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Từ lúc ly thân ngày 23/9/2022 (DL) cho đến nay thì bà L và ông B không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Bình để thông báo về yêu cầu ly hôn của bà L, nhưng ông B không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, ông Bình không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc ông B không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là ông B đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng bà L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông B. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Vĩnh A, sinh ngày 08/11/2001 và Thái Vĩnh P, sinh ngày 18/12/2009. Đối với con chung tên Thái Vĩnh A đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà L không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Thái Vĩnh P thì bà L đồng ý để ông B tiếp tục nuôi

dưỡng cháu P, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét, từ khi bà L và ông B sống ly thân đến nay con chung do ông Bình trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt, sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay thì ông B cũng không đến cũng không có ý kiến đối với yêu cầu về con chung. Đồng thời, theo lời khai của cháu P có nguyện vọng được sống với ông B khi bà L và ông B ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu P, nên giao cháu Thái Vĩnh P cho ông Thái Văn B chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L không cấp dưỡng nuôi con, ông B không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B thì không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B thì không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí*:* Buộc bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Thái Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Vĩnh P, sinh ngày 18/12/2009 cho ông Thái Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Bình chưa có yêu cầu.

Bà Lê Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0018478 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như bà L đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa